

VN-Index **1753.39 (-0.32%)**
655 Tr. cổ phiếu 15303.4 Tỷ VND (-22.24%)

HNX-Index **259.82 (-2.15%)**
54 Tr. cổ phiếu 831.5 Tỷ VND (-35.06%)

UPCOM-Index **125.19 (-0.03%)**
28 Tr. cổ phiếu 678.7 Tỷ VND (37.17%)

VN30F1M **1894.40 (-0.48%)**
257,652 HD OI: 31,428 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1753.4, giảm -5.7 điểm (-0.32%). Thanh khoản giảm với độ rộng nghiêng về bên bán. Đà giảm cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Chỉ số vẫn giữ vững được ngưỡng 1750 điểm, đà giảm chịu chịu sức ép lớn từ nhóm Vin, trong khi dòng tiền hoạt động tốt ở nhóm Mid-Small cap, đặc biệt tại các mã nền giá thấp.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Thực phẩm và đồ uống: VHC (+1.6%), TCO (+1.9%), MSN (+4.4%) | Hóa chất: AAA (+2.4%), GVR (+3.7%), HII (+3.7%) | Bán lẻ: MWG (+2.5%), FRT (+3.8%) | Dầu khí: BSR (+2.1%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: KOS (-6.7%), HQC (-3.1%), VRE (-2.3%) | Ngân hàng: LPB (-4.3%), NAB (-1.6%), SHB (-1.4%) | Dịch vụ tài chính: FTS (-3.2%), TCX (-2.3%), HCM (-2.1%) | Du lịch và Giải trí: VPL (-1.9%), VJC (-0.6%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | GVR, MSN, BSR, MWG, MCH - Chiều giảm | VIC, VHM, LPB, VPL, GAS.
- Khối ngoại Bán ròng hơn 900 tỷ đồng, tập trung nhiều ở PNJ, TCB, HDB, trong khi mua ròng MSN, BSR, VIB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** vẫn trụ vững trên ngưỡng 1750 điểm, dù sức ép từ nhóm Vin tiếp tục kéo giảm chỉ số. Ở chiều ngược lại, dòng tiền đang luân chuyển tích cực sang nhóm Mid-Small cap, tập trung hơn tại các cổ phiếu có nền giá thấp. Trong các phiên tới, biến động của nhóm vốn hóa lớn nhiều khả năng vẫn là yếu tố chi phối, khiến chỉ số tiếp tục rung lắc quanh vùng 1750 điểm (biên độ ± 20 điểm). Kháng cự trong nhịp hồi hiện là ngưỡng tâm lý 1800 điểm, trong khi 1720 điểm là ngưỡng hỗ trợ cần theo dõi nếu áp lực bán gia tăng.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số áp sát khu vực hỗ trợ mạnh quanh 260 điểm. Dù vậy, vận động đang chịu ảnh hưởng lớn bởi biến động ở mã THD, do đó, rung lắc mạnh khả năng vẫn tiếp diễn.
- Chiến lược:** Trong bối cảnh tín hiệu ngắn hạn chưa cải thiện, nhà đầu tư nên thận trọng với các vị thế mua mới và ưu tiên cơ cấu danh mục. Tận dụng nhịp hồi để hạ bớt vị thế ở những mã đã đánh mất các ngưỡng hỗ trợ quan trọng, trong khi chỉ nên ưu tiên nắm giữ các mã vẫn còn giữ được cấu trúc xu hướng. Tỷ trọng danh mục tổng thể nên giữ ở mức trung bình. Nhóm ngành nổi bật: Bán lẻ, Vận tải-Cảng, Hóa chất.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi thêm diễn biến thị trường

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với				Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với			
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																		
VN-Index	1,753.4 ▼	-0.3%	-0.9%	-3.7%	15,303.4 ▼	-22.2%	0.3%	-11.1%	655.2 ▼	-26.8%	0.6%	1.4%						
HNX-Index	259.8 ▼	-2.2%	-4.4%	-7.4%	831.5 ▼	-35.1%	36.6%	-12.0%	54.0 ▼	-35.4%	38.3%	0.9%						
UPCOM-Index	125.2 ▼	0.0%	-0.9%	-1.9%	678.7 ▲	37.2%	18.4%	50.4%	28.0 ▲	1.8%	10.8%	25.1%						
VN30	1,894.2 ▼	-0.2%	-0.7%	-3.5%	9,292.2 ▼	-27.5%	12.1%	-12.8%	260.8 ▼	-36.7%	2.0%	-11.6%						
VNMID	1,814.5 ▼	-0.1%	-1.7%	-5.7%	4,937.6 ▼	-13.0%	-17.7%	-10.6%	262.9 ▼	-19.9%	-21.4%	-6.2%						
VNSML	1,225.5 ▬	0.6%	-0.8%	-1.5%	842.7 ▼	-3.3%	16.0%	24.0%	64.6 ▼	-8.4%	25.8%	12.5%						
Theo ngành (VNIndex)																		
Ngân hàng	613.9 ▼	-0.3%	-1.91%	-2.1%	4,758.3 ▼	-34.7%	-12.5%	-8.5%	212.9 ▼	-36.6%	-14.8%	-8.1%						
Bất động sản	977.0 ▼	-0.9%	0.2%	-7.1%	2,240.4 ▼	-30.6%	-12.2%	-21.6%	82.2 ▼	-42.9%	-21.5%	-16.6%						
Dịch vụ tài chính	250.7 ▼	-1.2%	-3.4%	-10.7%	942.1 ▼	-53.1%	-42.7%	-48.0%	56.4 ▼	-53.2%	-40.3%	-45.9%						
Công nghiệp	236.5 ▬	0.5%	-1.7%	6.5%	1,102.0 ▲	33.7%	8.3%	4.9%	46.4 ▲	51.0%	15.4%	15.4%						
Tài nguyên cơ bản	452.1 ▼	-0.7%	0.8%	-5.0%	467.1 ▼	-3.5%	-20.2%	-17.5%	26.4 ▼	-7.8%	-20.4%	-15.5%						
Xây dựng - Vật Liệu	152.6 ▬	0.3%	-0.9%	-1.2%	334.3 ▼	-29.5%	-6.2%	-13.0%	19.2 ▼	-41.5%	-16.3%	-19.9%						
Thực phẩm	496.1 ▲	1.1%	2.1%	0.2%	1,606.0 ▲	62.2%	20.5%	53.7%	29.7 ▲	14.5%	-17.7%	9.3%						
Bán Lẻ	1,467.1 ▲	1.2%	3.2%	7.2%	793.7 ▼	-11.2%	4.1%	19.3%	9.6 ▼	-22.4%	-5.3%	-4.0%						
Công nghệ	354.2 ▼	-1.1%	-5.0%	-9.2%	585.6 ▲	11.2%	54.8%	17.3%	14.9 ▲	38.5%	71.7%	62.2%						
Hóa chất	174.7 ▲	2.4%	1.1%	4.8%	338.2 ▼	-14.6%	-3.2%	-13.9%	12.3 ▼	-21.0%	-8.2%	-21.1%						
Tiện ích	739.0 ▼	-0.6%	-3.2%	-1.4%	201.5 ▼	-20.2%	-21.4%	-35.0%	10.1 ▼	-23.2%	-19.3%	-24.8%						
Dầu khí	121.1 ▲	1.4%	1.2%	14.9%	361.4 ▼	-39.5%	-41.15%	-52.7%	12.9 ▼	-41.1%	-44.6%	-53.3%						
Dược phẩm	387.9 ▬	0.3%	0.3%	0.5%	55.8 ▲	22.8%	-2.0%	-38.4%	4.0 ▲	125.6%	42.5%	14.6%						
Bảo hiểm	115.6 ▬	0.9%	1.2%	14.2%	152.7 ▲	154.6%	97.1%	99.6%	2.4 ▲	149.3%	88.9%	87.7%						

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,753.4 ▼	-0.32%	-1.7%	13.4x	1.9x
SET-Index	Thái Lan	1,585 ▬	0.15%	25.8%	15.0x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,147 ▼	-0.75%	-28.9%	13.7x	1.7x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,125 ▼	-0.88%	-1.5%	14.6x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,737 ▲	1.05%	-5.2%	8.5x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,842	-	-3.2%	16.8x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	24,131 ▼	-0.62%	-5.9%	12.1x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	70,036 ▼	-0.92%	39.1%	22.5x	3.1x
S&P 500	Mỹ	7,819 ▬	0.58%	14.2%	26.8x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	51,521 ▬	0.49%	7.2%	22.5x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,473 ▼	-0.65%	5.5%	14.6x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,169 ▼	-1.65%	6.5%	17.0x	2.4x
DXV		102.3 ▬	0.18%	4.1%		
USDVND		25,981 ▼	-0.050%	-1.2%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

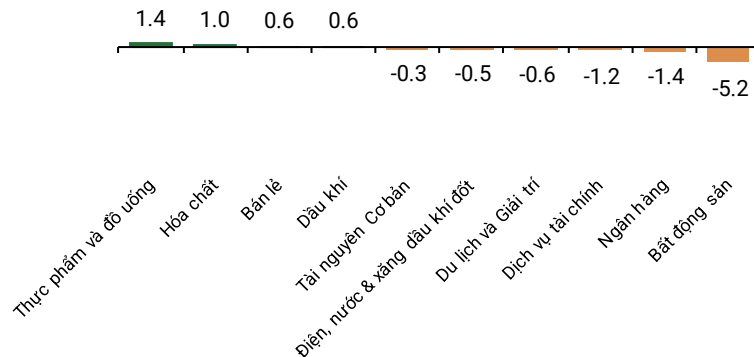
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	1.57%	5.3%	67.9%	56.1%
Dầu WTI	▲	1.01%	-1.2%	57.3%	46.3%
Khí gas	▲	2.0%	6.8%	-13.8%	-9.2%
Than cốc (*)	▬	0.0%	4.9%	48.6%	54.0%
Thép HRC (*)	▬	0.0%	-1.7%	0.9%	-2.5%
PVC (*)	▬	0.0%	-2.2%	6.4%	0.9%
Phân Urea	▬	0.0%	1.5%	19.7%	15.6%
Cao su thiên nhiên	▼	-0.8%	6.7%	43.5%	51.5%
Bông Cotton	▬	0.0%	-6.0%	20.6%	24.9%
Đường	▼	-0.9%	14.2%	37.5%	24.1%
World Container Index	▬	0.0%	-0.7%	100.4%	165.6%
Baltic Dirty tanker Index	▲	3.6%	159.6%	464.4%	586.1%
Vàng	▼	-1.15%	-6.5%	-4.7%	3.3%
Bạc	▼	-2.04%	-9.2%	-16.1%	25.6%

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

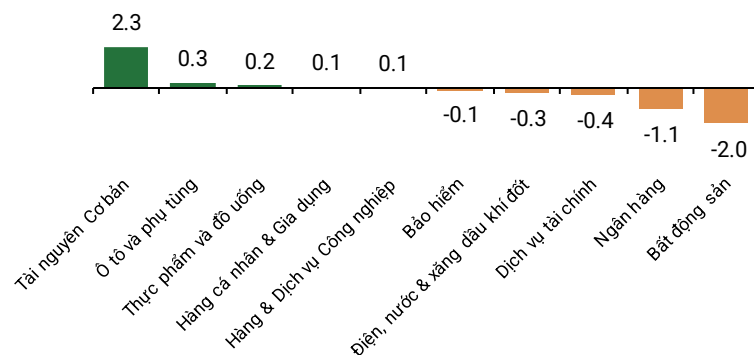
+0.20 (GMD)	-0.26 (VRE)
+0.20 (FRT)	-0.26 (HPG)
+0.29 (SSB)	-0.27 (FPT)
+0.31 (VIB)	-0.35 (STB)
+0.41 (VPB)	-0.45 (TCX)
+0.46 (MCH)	-0.45 (GAS)
+0.58 (MWG)	-0.56 (VPL)
+0.67 (BSR)	-1.18 (LPB)
+0.97 (MSN)	-1.70 (VHM)
+0.99 (GVR)	-3.22 (VIC)

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NGẪN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+6 (SSB)	-32 (VHM)
+7 (PVP)	-34 (TCX)
+14 (BVH)	-34 (HAH)
+14 (SSI)	-35 (GMD)
+21 (DCM)	-35 (MSB)
+28 (FRT)	-43 (VIX)
+30 (MCH)	-67 (FPT)
+32 (VIB)	-89 (HDB)
+37 (BSR)	-111 (TCB)
+44 (MSN)	-399 (PNJ)

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



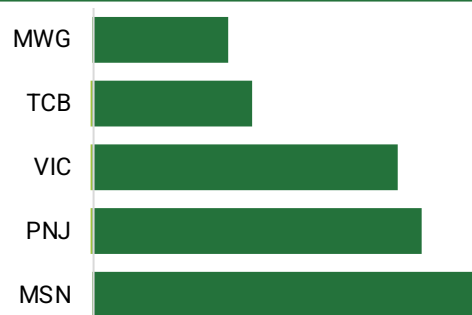
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.06 (HHC)	-0.06 (PVI)
+0.07 (OCH)	-0.06 (SEB)
+0.08 (HGM)	-0.10 (CEO)
+0.08 (DTK)	-0.10 (KSF)
+0.08 (TNG)	-0.13 (BAB)
+0.14 (NTP)	-0.15 (SHS)
+0.20 (VIF)	-0.17 (MBS)
+0.31 (HUT)	-0.24 (PGS)
+0.41 (IDC)	-1.01 (NVB)
+1.91 (KSV)	-2.18 (THD)

TOP CỔ PHIẾU NGẪN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.0 (HGM)	-0.1 (BVS)
+0.0 (PVB)	-0.1 (THD)
+0.1 (DXP)	-0.3 (KSF)
+0.1 (IDJ)	-0.4 (MBS)
+0.1 (C69)	-1.0 (PVI)
+0.2 (VFS)	-2.2 (SHS)
+0.7 (VC3)	-3.4 (IDC)
+1.6 (MST)	-3.4 (NVB)
+1.9 (NTP)	-12.0 (CEO)
+2.0 (TNG)	-16.9 (PVS)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	MSN	PNJ	VIC	TCB	MWG
%DoD	4.4%	-6.2%	-0.9%	-0.5%	2.5%
Giá trị	1,154	994	919	478	409

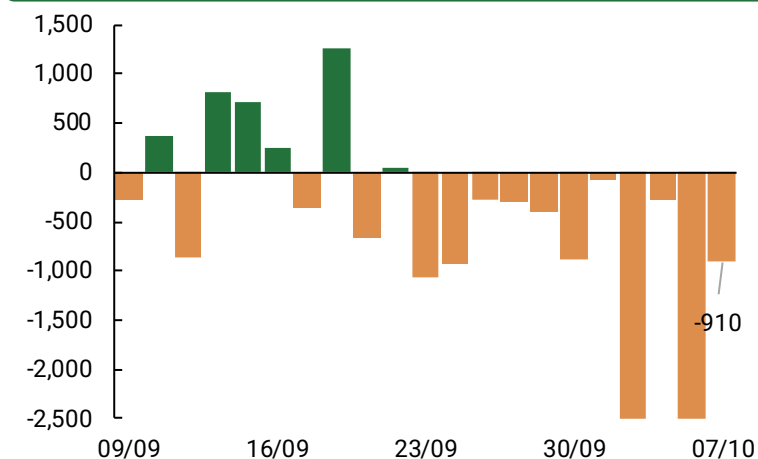
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	HDB	VPB	CTG	FPT	VCB
%DoD	0.2%	0.9%	-0.2%	-1.2%	-0.2%
Giá trị	323	311	240	217	211

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



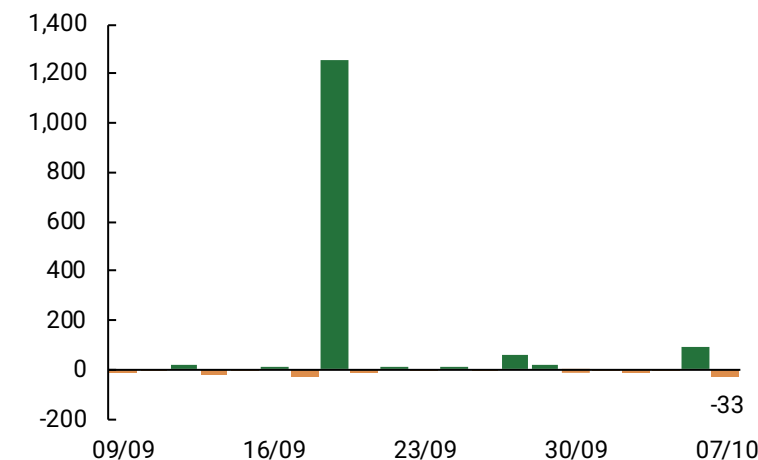
	IDC	PVS	SHS	NVB	CEO
%DoD	5.0%	0.0%	-2.3%	-3.6%	-2.9%
Giá trị	117	111	69	42	41

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	TTL	PDB	S99	HEV
%DoD	4.2%	-9.6%	0.0%	-1.4%	0.0%
Giá trị	96	49	9	2	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Hammer tăng, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1660 | 1720.
- ✓ Kháng cự: 1800 | 1870.
- ✓ MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số lấy lại ngưỡng 1750 điểm khả năng thúc đẩy nhịp hồi kiểm định lại khu vực cản gần quanh 1780 - 1800. Tuy nhiên, cần lưu ý sức ép từ nhóm vốn lớn có thể gây rung lắc mạnh. Lực mua và độ rộng cần tiếp tục được duy trì để đánh giá khả năng vượt cản. Trái lại, áp lực điều chỉnh hoàn toàn có thể chi phối bất cứ lúc nào. Hỗ trợ gần hiện vẫn quanh vùng 1720 điểm và thấp hơn là ngưỡng 1660 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Hammer tăng, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 | 1870
- ✓ Kháng cự: 1940 | 2000.
- ✓ MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.
- ✓ **Kịch bản:** Nếu chỉ số lấy lại ngưỡng 1900 điểm có thể thúc đẩy nhịp hồi kiểm định lại khu vực cản gần quanh 1930 - 1940 điểm. Tuy nhiên, cần lưu ý sức ép từ nhóm vốn lớn có thể gây rung lắc mạnh. Trái lại, áp lực điều chỉnh hoàn toàn có thể chi phối bất cứ lúc nào. Hỗ trợ gần hiện vẫn quanh vùng 1870 điểm và thấp hơn là ngưỡng 1800 điểm.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
-----	-------	-------------	------------------	--------------	---------------	-----------------	--------------	------------	------------	-------------	---------

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	GVR	Mua	30/09/2026	-	34	32.7 - 33.3	3.0%	36.5	10.6%	31	-6.1%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1894.4, giảm 9.1 điểm (-0.5%). Giá mở cửa cao hơn tham chiếu, tạo đỉnh ở phiên sáng rồi suy yếu, đóng cửa giữa biên độ.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD, RSI giữ đà cải thiện, ủng hộ đà phục hồi kỹ thuật. Dù vậy, sức ép từ nhóm vốn hóa lớn khiến rung lắc mạnh vẫn chi phối. Chiều Long cân nhắc khi giá bứt phá và giữ được trên ngưỡng 1905. Chiều Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1888.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1788.6, giảm 4.8 điểm (-0.3%). Độ lệch basis 4.4 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 57 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1780 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1800 điểm

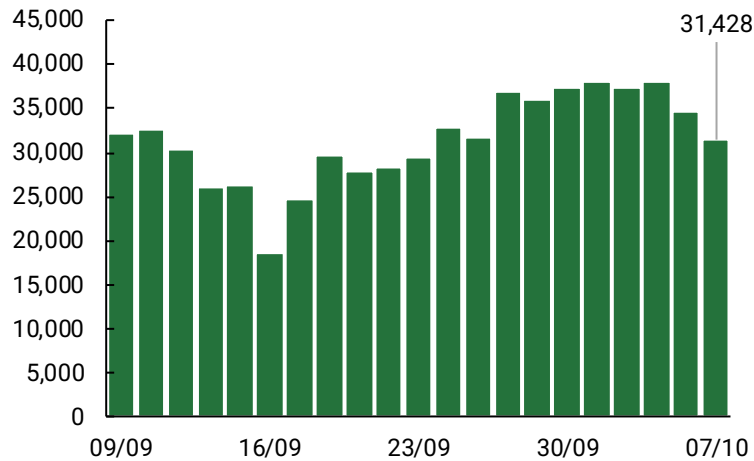
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1905	1919	1897	14 : 8
Short	< 1888	1876	1895	12 : 7

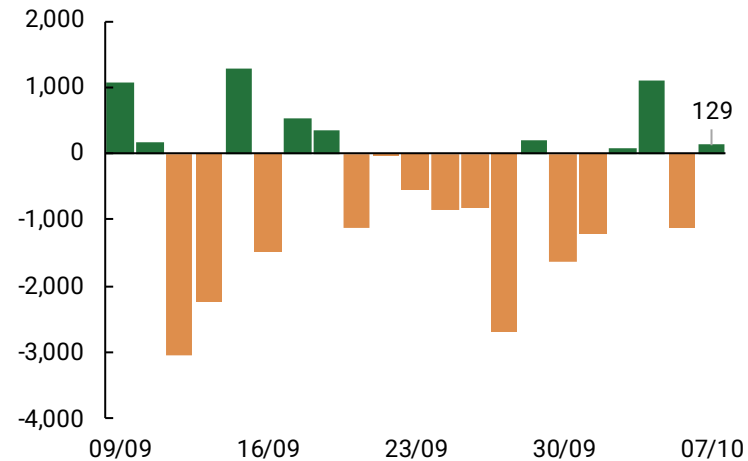
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,897.7	-1.2	12	375	1,909.1	-11.4	18/03/2027	162
4111GC000	1,893.3	-16.6	72	704	1,900.7	-7.4	17/12/2026	71
4111GB000	1,894.1	-10.9	567	1,958	1,898.2	-4.1	19/11/2026	43
4111GA000	1,894.4	-9.1	257,652	31,428	1,894.9	-0.5	15/10/2026	8
4112GA000	1,788.6	-4.8	57	126	1,784.9	3.7	15/10/2026	8

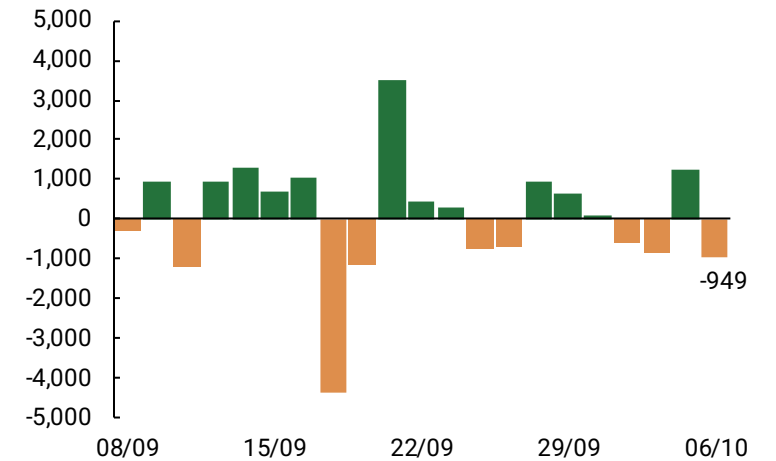
Khối lượng mở (Open interest)



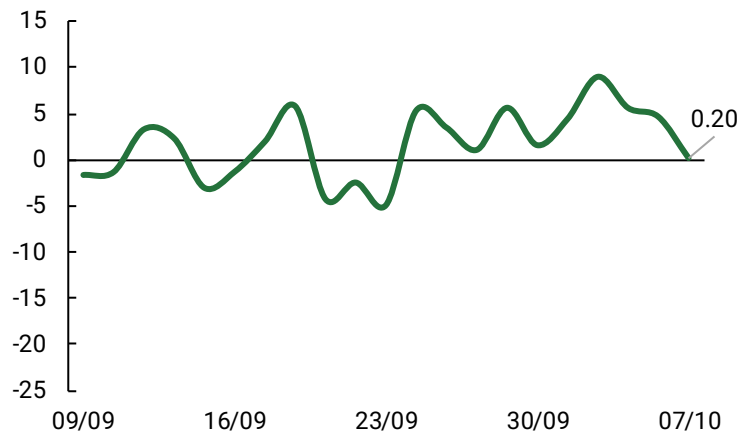
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



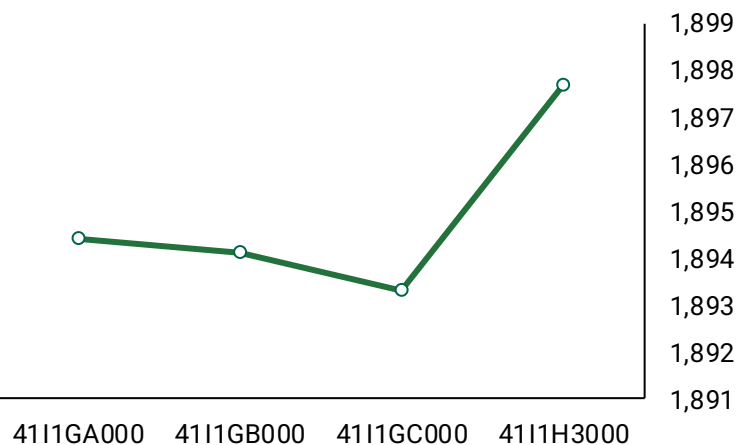
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



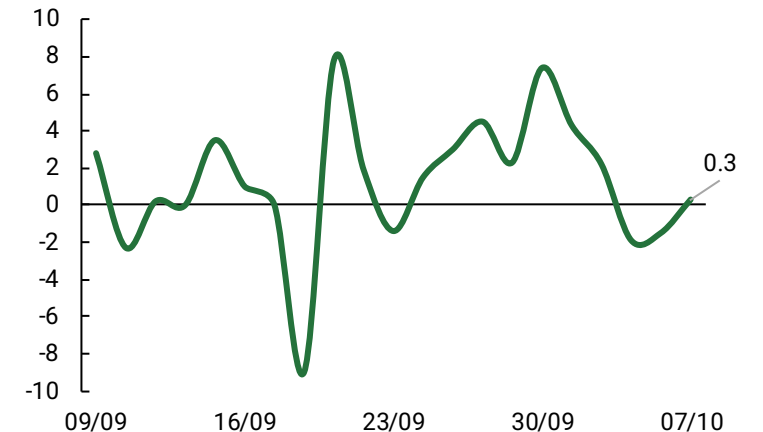
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



01/10	Việt Nam, Mỹ, Trung Quốc, EU – Chỉ số PMI
02/10	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
06/10	Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội quý 3/202
07/10	Việt Nam – FTSE Russell công bố xếp hạng thị trường
14/10	Trung Quốc – Lạm phát, PPI
14 – 15/10	Mỹ – Chỉ số CPI Mỹ – Chỉ số PPI
15/10	Việt Nam – Đáo hạn HĐTL VN30, VN100
19/10	Trung Quốc – GDP Q3, Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
20/10	Trung Quốc – Lãi suất LPR Việt Nam – Hạn BCTC quý 3/2026 đơn lẻ
29/10	Mỹ – Fed công bố lãi suất, GDP Q3 lần đầu, Chỉ số PCE EU – ECB công bố lãi suất
30/10	Việt Nam – Danh mục HNX30 có hiệu lực; Hạn BCTC quý 3/2026

THÔNG TIN VĨ MÔ

UBCKNN nghiên cứu giao dịch xuyên trưa, nới biên độ dao động giá: Tại họp báo quý 3 của Bộ Tài chính ngày 6/10, UBCKNN cho biết đang nghiên cứu các cơ chế giao dịch xuyên trưa, nới biên độ dao động giá và phiên khớp lệnh định kỳ, đồng thời xây dựng phương án phân bổ cổ phiếu theo quy mô vốn, khả năng tiếp cận của NĐTNN, tỷ lệ free float và trạng thái giao dịch. Việc chuyển toàn bộ cổ phiếu niêm yết từ HNX sang HOSE dự kiến hoàn thành trong năm 2026.

Ngân hàng đồng loạt nâng lãi suất cơ sở cho vay thả nổi: ACB nâng lãi suất cơ sở lên 9.5%/năm từ ngày 1/10 (+0.3 điểm %), VPBank áp dụng mức 11–13.5%/năm cho một số khoản vay có tài sản bảo đảm, Techcombank và Vietbank cũng công bố biểu lãi suất mới. Nguyên nhân là chi phí vốn tăng khi lãi suất huy động từ 6 tháng phổ biến trên 9%/năm, trong khi tín dụng đến 28/9 tăng 10.89% YTD, cao hơn mức tăng huy động 9.78%.

Thâm hụt thương mại của Mỹ tháng 8 cao nhất kể từ tháng 3/2025: Theo Bộ Thương mại Mỹ, thâm hụt thương mại tháng 8 tăng gần 14% lên 105.6 tỷ USD, vượt dự báo 102 tỷ USD. Nhập khẩu tăng hơn 4% lên mức kỷ lục 420.8 tỷ USD do doanh nghiệp bổ sung tồn kho và tiêu dùng mạnh, trong khi xuất khẩu chỉ tăng 1.4%. Cầu nội địa vượt cung củng cố kỳ vọng Fed tiếp tục tăng lãi suất trong năm nay.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

KSV - Vimico tạm ứng cổ tức tiền mặt tỷ lệ 30%, tổng chi khoảng 900 tỷ đồng: Tổng Công ty Khoáng sản TKV sẽ chốt danh sách cổ đông ngày 26/10 để tạm ứng cổ tức năm 2026 bằng tiền tỷ lệ 30% (3,000 đồng/cổ phiếu), thanh toán ngày 11/11. Nguồn chi trả đến từ KQKD tăng mạnh: 6 tháng 2026, doanh thu đạt 9,890 tỷ đồng (+41.6% YoY), LNST hơn 2,426 tỷ đồng, gấp hơn 3 lần cùng kỳ. TKV sở hữu 98.06% vốn sẽ nhận khoảng 882.5 tỷ đồng.

BCM - Becamex được TP.HCM giao hơn 7.2 ha đất thực hiện dự án Khu dân cư áp 5C: UBND TP.HCM giao đợt 5 hơn 7.2 ha đất tại phường Thới Hòa cho Becamex Group để thực hiện dự án Khu dân cư áp 5C, thời hạn sử dụng đất đến ngày 7/5/2059. Trong đó, gần 3.5 ha là đất ở liền kề thuộc diện Nhà nước thu tiền sử dụng đất; hơn 3.7 ha còn lại là đất công viên, giao thông và hạ tầng kỹ thuật, không thu tiền sử dụng đất. Becamex chịu trách nhiệm đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng dự án.

PNJ - Nhóm quỹ T. Rowe Price không còn là cổ đông lớn của PNJ: Nhóm 21 nhà đầu tư nước ngoài do T. Rowe Price Associates đại diện đã bán ròng hơn 5.46 triệu cổ phiếu PNJ, giảm sở hữu từ 6.02% xuống 4.95% và không còn là cổ đông lớn kể từ ngày 2/10/2026. Trong nhóm, 13 quỹ giảm tổng cộng 6.44 triệu cổ phiếu, trong khi 4 quỹ nhánh Global Value Equity mua thêm 977,200 cổ phiếu.

HDC - Lãnh đạo Hodeco và người thân đăng ký mua 2 triệu cổ phiếu HDC: Chủ tịch HĐQT Đoàn Hữu Thuận, TGD Lê Viết Liên cùng hai con trai ông Thuận đăng ký mua tổng cộng 2 triệu cổ phiếu HDC từ 9/10 đến 7/11/2026; riêng ông Liên mua 1 triệu cổ phiếu, nâng sở hữu lên 3.93%. Trước đó, ông Liên vừa bán 700,000 cổ phiếu, trong đó 200,000 cổ phiếu bị bán giải chấp. Nửa đầu năm 2026, HDC đạt LNST 101.82 tỷ đồng (+41.9% YoY).

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	31,750	31,150	-1.9%	Giảm tỷ trọng
CTG	29,750	40,700	36.8%	Mua
CTD	61,900	82,900	33.9%	Mua
DBD	46,450	66,000	42.1%	Mua
DDV	15,511	35,900	131.4%	Mua
DGW	47,200	46,500	-1.5%	Giảm tỷ trọng
DPG	26,400	42,300	60.2%	Mua
DPR	37,900	46,500	22.7%	Mua
DRI	16,179	17,200	6.3%	Nắm giữ
EVF	11,450	14,400	25.8%	Mua
FRT	150,500	151,000	0.3%	Nắm giữ
GMD	54,200	92,400	70.5%	Mua
HAH	52,500	58,300	11.0%	Tăng tỷ trọng
HDG	14,650	30,900	110.9%	Mua
HHV	8,910	11,700	31.3%	Mua
HPG	20,350	28,700	41.0%	Mua
IMP	36,850	54,400	47.6%	Mua
KDH	13,550	35,300	160.5%	Mua
MCH	142,700	146,500	2.7%	Nắm giữ
MWG	76,900	115,600	50.3%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	19,100	27,500	44.0%	Mua
NLG	21,700	39,400	81.6%	Mua
NT2	22,550	27,700	22.8%	Mua
PHR	33,500	39,500	17.9%	Tăng tỷ trọng
PNJ	18,900	75,500	299.5%	Mua
PVS	33,600	33,250	-1.0%	Giảm tỷ trọng
PVT	24,850	26,000	4.6%	Nắm giữ
POW	12,600	17,500	38.9%	Mua
SAB	42,850	54,900	28.1%	Mua
SSI	19,650	31,200	58.8%	Mua
TLG	54,800	50,000	-8.8%	Giảm tỷ trọng
TCB	32,300	41,700	29.1%	Mua
TCM	15,000	35,300	135.3%	Mua
TRC	24,100	22,950	-4.8%	Giảm tỷ trọng
VCB	57,200	79,700	39.3%	Mua
VPB	23,400	28,960	23.8%	Mua
VCG	13,600	23,300	71.3%	Mua
VHC	50,800	58,000	14.2%	Tăng tỷ trọng
VNM	58,000	66,650	14.9%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

www.phs.vn

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415